

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3393/2022/KDTM-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TP. M**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc H
2. Bà Đinh Thị Tuyết M

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng N – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2021/TLST-KDTM ngày 24 tháng 05 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4917/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/07/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5858/2021/QĐST-KDTM ngày 12/08/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần ST

Địa chỉ: 153-155 NDD, Phường 3, Quận 5, Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1993 – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/05/2021).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần kỹ nghệ ĐT.

Địa chỉ: 87 đường TML, phường TML, Quận 2 (nay là thành phố Đ), Thành phố M.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Châu Vương Q, sinh năm 1974 – Là người đại diện theo pháp luật (Địa chỉ: 36/28 đường D2, Phường 25, quận BT, Thành phố M) .

Bà Trần Thị Hồng N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có bà Trần Thị Hồng N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/12/2017, Công ty Cổ phần ST (gọi tắt Công ty ST) với Công ty Cổ phần kỹ nghệ ĐT (gọi tắt Công ty ĐT), có ký hợp đồng kinh tế số 57/HĐKT/JM-2017, theo đó Công ty ST cung cấp cho Công ty ĐT hàng hóa là các miếng chắn gió, lưới chắn côn trùng, van FD KT, ống gió... Công ty ST đã cung cấp đầy đủ hàng hóa theo thỏa thuận và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty ĐT. Sau khi ký hợp đồng, Công ty cổ phần ST đã cung cấp hàng hóa đầy đủ theo đơn đặt hàng cho phía công ty ĐT. Công ty ST lần lượt đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho Công ty ĐT. Cụ thể:

- Ngày 06/01/2018, hóa đơn số 0000666, trị giá 35.212.320 (ba mươi lăm triệu hai trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi) đồng.

- Ngày 23/01/2018, hóa đơn số 0000738, trị giá 5.933.510 (năm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn năm trăm mười) đồng.

- Ngày 14/4/2018, hóa đơn số 0001007, trị giá 283.084.439 (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm ba mươi chín) đồng.

- Ngày 4/6/2018, hóa đơn 0001273, trị giá 150.648.245 (một trăm năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

- Ngày 7/6/2018, hóa đơn 0001284, trị giá 788.700 (bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm) đồng.

- Ngày 18/6/2018, hóa đơn 0001328, trị giá 165.888.525 (một trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm) đồng.

- Ngày 16/7/2018, hóa đơn 0001430, trị giá 4.505.600 (bốn triệu năm trăm lẻ năm ngàn sáu trăm) đồng.

- Ngày 18/7/2018, hóa đơn 0001448, trị giá 2.270.400 (Hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn bốn trăm) đồng.

- Ngày 18/7/2018, hóa đơn 0001449, trị giá 354.200 (ba trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm) đồng.

- Ngày 21/7/2018, hóa đơn 0001473, trị giá 1.222.100 (một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm) đồng.

- Ngày 6/9/2018, hóa đơn 0001724, trị giá 7.417.344 (bảy triệu bốn trăm mười bảy ngàn ba trăm bốn mươi bốn) đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty ĐT có thanh toán nhưng không đầy đủ. Ngày 18/12/2018, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, phía Công ty ĐT xác nhận còn nợ Công ty ST số tiền là: 201.954.502 (hai trăm lẻ một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm lẻ hai) đồng. Đến ngày 01/02/2019, Công ty ĐT chuyển trả cho Công ty ST số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Đến ngày 31/03/2019, hai bên lập Bảng đối chiếu tiền hàng và Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó phía Công ty ĐT xác nhận còn nợ Công ty ST số tiền là 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm lẻ hai) đồng.

Công ty ST đã nhiều lần yêu cầu Công ty ĐT thanh toán số tiền nợ còn lại, tuy nhiên đến nay Công ty ĐT vẫn chưa thanh toán, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty ST.

Nay Công ty ST khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty ĐT thanh toán cho Công ty ST số tiền mua hàng còn thiếu là: 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng, căn cứ theo Bảng đối chiếu tiền hàng ngày 18/12/2018 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/03/2019. Yêu cầu Công ty cổ phần kỹ nghệ ĐT trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty ĐT và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của Công ty ĐT đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty ST.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có bà Trần Thị Hồng N đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty ST vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty ĐT thanh toán cho Công ty ST số tiền mua hàng còn thiếu là: 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm lẻ hai) đồng. Yêu cầu Công ty cổ phần kỹ nghệ ĐT trả một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân thành phố Đ cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Công ty ST khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty ĐT và Công ty ĐT có địa chỉ tại: 87 Đường TML, phường TML, Quận 2 (nay là thành phố Đ), Thành phố M. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Bị đơn Công ty ĐT và người đại diện hợp pháp vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ bằng việc niêm yết các văn bản tố tụng. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1]. Ngày 14/02/2017, Công ty Cổ phần ST với Công ty Cổ phần kỹ nghệ ĐT, có ký hợp đồng kinh tế số 57/HĐKT/JM-2017, theo đó Công ty ST cung cấp cho Công ty ĐT hàng hóa là các miếng chắn gió, lưới chắn côn trùng, van FD KT, ống gió.... Hợp đồng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[2]. Nguyên đơn Công ty ST yêu cầu Công ty ĐT thanh toán số tiền hàng là 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Công ty ĐT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Công ty ST cung cấp để xem xét

Theo tài liệu phía nguyên đơn cung cấp là các hóa đơn giá trị gia tăng, thể hiện Công ty ST có cung cấp miếng chắn gió, lưới chắn côn trùng, van FD KT, ống gió ... cho Công ty ĐT, cụ thể:

- Ngày 06/01/2018, hóa đơn số 0000666, trị giá 35.212.320 (ba mươi lăm triệu hai trăm mười hai ngàn ba trăm hai mươi) đồng.

- Ngày 23/01/2018, hóa đơn số 0000738, trị giá 5.933.510 (năm triệu chín trăm ba mươi ba ngàn năm trăm mười) đồng.

- Ngày 14/4/2018, hóa đơn số 0001007, trị giá 283.084.439 (hai trăm tám mươi ba triệu không trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm ba mươi chín) đồng.

- Ngày 4/6/2018, hóa đơn 0001273, trị giá 150.648.245 (một trăm năm mươi triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

- Ngày 7/6/2018, hóa đơn 0001284, trị giá 788.700 (bảy trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm) đồng.

- Ngày 18/6/2018, hóa đơn 0001328, trị giá 165.888.525 (một trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm tám mươi tám ngàn năm trăm hai mươi lăm) đồng.

- Ngày 16/7/2018, hóa đơn 0001430, trị giá 4.505.600 (bốn triệu năm trăm lẻ năm ngàn sáu trăm) đồng.

- Ngày 18/7/2018, hóa đơn 0001448, trị giá 2.270.400 (Hai triệu hai trăm bảy mươi ngàn bốn trăm) đồng.

- Ngày 18/7/2018, hóa đơn 0001449, trị giá 354.200 (ba trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm) đồng.

- Ngày 21/7/2018, hóa đơn 0001473, trị giá 1.222.100 (một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn một trăm) đồng.

- Ngày 6/9/2018, hóa đơn 0001724, trị giá 7.417.344 (bảy triệu bốn trăm mười bảy ngàn ba trăm bốn mươi bốn) đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐT đã thanh toán tiền hàng cho Công ty ST nhưng không đầy đủ nên Công ty ST và Công ty ĐT đã tiến hành đối chiếu công nợ. Theo Biên bản đối chiếu tiền hàng và Biên bản đối công nợ ngày 31/03/2018, Công ty ĐT xác nhận tính đến hết ngày 31/03/2019 còn nợ Công ty ST số tiền là 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi

bốn ngàn năm trăm lẻ hai) đồng. Như vậy, căn cứ vào Theo Biên bản đối chiếu tiền hàng và Biên bản đối công nợ ngày 31/03/2018 xác định Công ty ĐT còn nợ Công ty ST số tiền là 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn năm trăm lẻ hai) đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty ST yêu cầu Công ty ĐT thanh toán số tiền hàng trên là có cơ sở.

[4] . Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty ĐT phải chịu

[5] . Ghi nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc rút kinh nghiệm về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ về giải quyết nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần ST:

Buộc Công ty Cổ phần kỹ nghệ ĐT thanh toán cho Công ty Cổ phần ST số tiền: 151.954.502 (một trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm lẻ hai) đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 7.597.725 (bảy triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi lăm) đồng, Công ty Cổ phần kỹ nghệ ĐT phải chịu. Công ty Cổ phần ST được nhận lại số tiền 3.798.862 (ba triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn tám trăm sáu mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số 0028760 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, Thành phố M.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- THADS thành phố Đ;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị T